ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TẠI NGÂN HÀNG TNHH MTV WOORI VIỆT NAM

(Áp dụng từ 16/11/2026)

XÉT RẰNG

(A) Khách hàng có nhu cầu sử dụng thẻ Ghi nợ nội địa hoặc thẻ Ghi nợ quốc tế hoặc thẻ Tín dụng quốc tế ở Việt Nam và nộp (các) Đơn đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ liên quan đến Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam.

(B) Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam đồng ý cung cấp các dịch vụ thẻ Ghi nợ nội địa hoặc thẻ Ghi nợ quốc tế hoặc thẻ Tín dụng quốc tế cho khách hàng.

SAU KHI THẢO LUẬN, khách hàng hiểu và đồng ý với bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam này (sau đây gọi là "**Điều kiện và điều khoản**") với các nội dung như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

Các thuật ngữ trong Điều kiện và điều khoản này được hiểu như sau đây. Ngoài ra, tùy thuộc vào từng ngữ cảnh và phù hợp với sản phẩm thẻ tương ứng của Ngân hàng, những thuật ngữ sau đây sẽ được hiểu và giải thích tương ứng với những ngữ cảnh và sản phẩm thẻ tương ứng.

1.1. "Tài khoản": Là tài khoản thanh toán (đối với thẻ Ghi nợ) và/hoặc là tài khoản thẻ (đối với thẻ Tín dụng quốc tế) được mở và chỉ định bởi Chủ thẻ với Ngân hàng mà thông qua đó giao dịch thẻ được thực hiện.

1.2. "Ngân hàng": Là Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam.

1.3. "Thẻ": Là thẻ Ghi nợ nội địa hoặc thẻ Ghi nợ quốc tế hoặc thẻ Tín dụng quốc tế do Ngân hàng phát hành theo yêu cầu của Chủ thẻ để sử dụng cùng với các tiện ích của thẻ do Ngân hàng cung cấp.

1.4. "Chủ thẻ": Là cá nhân hoặc tổ chức được Ngân hàng cung cấp thẻ để sử dụng. Chủ thẻ bao gồm Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ.

1.5. "Chủ thẻ Chính": Là cá nhân hoặc tổ chức đứng tên thực hiện giao kết hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ với Ngân hàng cùng các hồ sơ, tài liệu cần thiết theo quy định với Ngân hàng.

1.6. "Chủ thẻ Phụ": Là cá nhân được Chủ thẻ chính cho phép sử dụng thẻ bằng văn bản (đối với chủ thẻ chính là cá nhân) hoặc được chủ thẻ chính ủy quyền bằng văn bản cho phép sử dụng thẻ của tổ chức (đối với chủ thẻ chính là tổ chức).

1.7. "Mã số xác định Chủ thẻ" (PIN): Là mã số mật được Ngân hàng cấp cho Chủ thẻ hoặc do Chủ thẻ tạo lập theo quy trình được Ngân hàng quy định để sử dụng trong các giao dịch thẻ.

1.8. "Giao dịch thẻ": Là việc sử dụng thẻ để thực hiện giao dịch thanh toán, rút tiền mặt và các dịch vụ khác do Ngân hàng, Tổ chức Thanh toán Thẻ cung cấp theo quy định của pháp luật.

1.9. "Ngày làm việc": Là các ngày từ thứ 2 đến hết thứ 6, ngoại trừ các ngày thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định của pháp luật Việt Nam.

1.10. "Máy giao dịch tự động (ATM)": Là thiết bị mà Chủ thẻ có thể sử dụng để thực hiện một hoặc một số các giao dịch như: gửi, nộp, rút tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán hóa đơn hàng hóa, dịch vụ, vấn tin tài khoản, đổi PIN, tra cứu thông tin thẻ hoặc các giao dịch khác theo quy định của pháp luật.

1.11. "Đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT)": Là đơn vị chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng thẻ.

1.12. "BIN": là mã Ngân hàng.

1.13. "Phí thường niên": Là khoản phí được thu hàng năm để duy trì thẻ và dịch vụ. Phí này thu hàng năm theo từng thẻ vào tháng mà thẻ được phát hành.

1.14. "Ghi nợ trực tiếp": Là chỉ dẫn theo từng lần hoặc định kỳ của Chủ thẻ ủy quyền cho Ngân hàng ghi nợ một số tiền từ tài khoản Ngân hàng hoặc tài khoản ngân hàng khác (nếu có thể) của Chủ thẻ để thanh toán trong ngày đến hạn thanh toán.

1.15. "Sao kê": Là tài liệu, dữ liệu được phát hành, ghi nhận bởi Ngân hàng chỉ rõ số dư nợ hiện tại và số tiền thanh toán tối thiểu theo từng kỳ hạn cụ thể và các nội dung chi tiết khác thuộc về thẻ.

1.16. "Ngày đến hạn thanh toán": Là ngày được chỉ ra trên sao kê mà vào ngày đó thì việc thanh toán phải được thực hiện.

1.17. "Khoản thanh toán tối thiểu": Là số tiền ít nhất mà Chủ thẻ thanh toán và phải thực hiện thanh toán để giữ tài khoản ở trạng thái bình thường theo quy định của từng sản phẩm thẻ của Ngân hàng.

1.18. "Hạn mức tín dụng": Là số tiền tối đa của khoản cấp tín dụng.

1.19. "Thẻ tín dụng đảm bảo": Là thẻ tín dụng với mức tín dụng được đảm bảo bằng tài sản đảm bảo (TSĐB) ví dụ như khoản tiền gửi có kỳ hạn.

1.20. "Rút tiền mặt": Là bất kỳ giao dịch nào mà ở đó tiền mặt hoặc giá trị tương đương được nhận theo quy định của từng sản phẩm của Ngân hàng.

1.21. "Sự cố thẻ": Sự cố liên quan đến thẻ được hiểu là các vấn đề phát sinh gây ra hoặc phát sinh từ việc thẻ không được sử dụng theo đúng thỏa thuận của các Bên

1.22 "Website": Là trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng theo đường dẫn sau: https://woori.com.vn

1.23 "Mã danh mục người bán - Merchant Category Code (MCC)": là một mã gồm các chữ số được các Tổ chức thẻ quốc tế (VISA, …) hoặc Tổ chức thanh toán và mạng lưới thẻ cấp cho các Đơn vị chấp nhận thẻ, dùng để phân loại loại hình kinh doanh, dịch vụ mà Đơn vị chấp nhận thẻ đó cung cấp.

ĐIỀU 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ THẺ

2.1. Quyền của Chủ thẻ

2.1.1. Sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch thẻ hợp pháp.

2.1.2. Sử dụng số tiền, hạn mức trên tài khoản của mình để thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ. Chủ thẻ được Ngân hàng tạo điều kiện để sử dụng tài khoản của mình thuận tiện và an toàn.

2.1.3. Yêu cầu Ngân hàng cấp lại thẻ, tạm ngừng, chấm dứt sử dụng thẻ, gia hạn thẻ; khóa, mở khóa thẻ và/hoặc các tính năng khác của thẻ theo các quy định tại Điều kiện và điều khoản này và/hoặc quy định của sản phẩm thẻ.

2.1.4. Yêu cầu Ngân hàng tra soát, hỗ trợ giải quyết các khiếu nại liên quan đến các giao dịch thẻ.

2.1.5. Yêu cầu Ngân hàng nơi mở tài khoản và/hoặc mở thẻ thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ và được cung cấp thông tin về việc phát hành thẻ, lịch sử giao dịch thẻ, số dư trên tài khoản thanh toán, hạn mức của mình theo thỏa thuận với Ngân hàng.

2.1.6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa Chủ thẻ với Ngân hàng và không trái với quy định của pháp luật hiện hành.

2.2. Nghĩa vụ của Chủ thẻ

2.2.1. Cung cấp đầy đủ, rõ ràng, chính xác các thông tin liên quan về mở và sử dụng thẻ. Thông báo kịp thời và gửi các giấy tờ liên quan cho Ngân hàng khi có sự thay đổi về thông tin trong hồ sơ mở thẻ.

2.2.2. Thực hiện giao dịch thẻ theo quy định pháp luật Việt Nam và cam kết không dùng thẻ thực hiện giao dịch bất hợp pháp.

2.2.3. Có trách nhiệm bảo quản thẻ và bảo mật các thông tin trên thẻ, bảo mật số PIN, các mã số xác nhận chủ thẻ khác, các thông tin giao dịch, không để lộ thông tin thẻ và không được chuyển nhượng thẻ. Có trách nhiệm xuất trình thẻ có hiệu lực khi thực hiện giao dịch thẻ. Không cho người khác sử dụng thẻ của mình, không được tiết lộ thông tin thẻ và số PIN của mình cho người khác biết trong suốt thời gian hiệu lực thẻ.

2.2.4. Duy trì số dư tối thiểu trên tài khoản thanh toán theo quy định của Ngân hàng.

2.2.5. Cung cấp đầy đủ và chính xác, thông báo, cập nhật cho Ngân hàng những thay đổi về tài liệu, thông tin, dữ liệu nhằm nhận biết khách hàng theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan đối với chủ thẻ trước khi giao kết Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ và trong quá trình sử dụng thẻ:

(a) Đối với khách hàng là cá nhân: địa chỉ thường trú, địa chỉ liên lạc, số điện thoại di động hoặc địa chỉ email nhận mật khẩu xác nhận giao dịch trực tuyến, các thông tin khác theo yêu cầu của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

(b) Đối với khách hàng là Tổ chức: tài liệu, thông tin, dữ liệu về đăng ký kinh doanh/giấy phép hoạt động hoặc mã số thuế, địa chỉ trụ sở; tài liệu, thông tin, dữ liệu của người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức, chủ thẻ phụ tương tự quy định thu thập tài liệu, thông tin, dữ liệu cần thu thập với cá nhân tại điểm (a) Điều 2.2.5 này và các thông tin khác theo yêu cầu của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

2.2.6. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại do sai sót hoặc bị lợi dụng, lừa đảo khi sử dụng thẻ do lỗi của mình.

2.2.7. Không được cho thuê, cho mượn thẻ của mình. Không được sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch nhằm mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.

2.2.8. Thông báo ngay cho Ngân hàng các trường hợp thẻ bị thất lạc, mất cắp hoặc nghi ngờ thẻ bị lợi dụng hoặc số PIN bị lộ trong vòng 24 giờ kể từ khi biết được các thông tin ban đầu bằng các phương thức nhanh nhất có thể (bằng cách gọi tới Trung tâm Dịch vụ khách hàng hoặc trực tiếp tới bất cứ Chi nhánh/Phòng giao dịch nào của Ngân hàng), đồng thời phối hợp với Ngân hàng để xử lý và thanh toán các khoản phí (nếu có) theo quy định của Ngân hàng.

2.2.9. Ngay khi phát hiện thẻ bị lộ PIN, Chủ thẻ phải yêu cầu Ngân hàng cấp lại PIN mới hoặc thẻ mới.

2.2.10. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Ngân hàng các khoản nợ, lãi, chi phí và phí phát sinh do việc sử dụng thẻ theo sao kê do Ngân hàng lập và gửi cho Chủ thẻ. Trong trường hợp Chủ thẻ có thực hiện giao dịch thẻ nhưng không nhận được hoặc chậm nhận được sao kê, Chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ, lãi, chi phí và phí phát sinh do việc sử dụng thẻ theo quy định sau khi Ngân hàng đưa ra các bằng chứng về việc đã gửi sao kê cho Chủ thẻ.

2.2.11. Ngay lập tức thông báo cho Ngân hàng khi có bất kỳ sự cố liên quan đến thẻ. Hoàn trả ngay lập tức và vô điều kiện cho Ngân hàng theo yêu cầu của Ngân hàng đối với các khoản tiền mà Chủ thẻ rút thừa, rút/thanh toán quá hạn mức, giao dịch ghi có nhầm vào tài khoản của Chủ thẻ và các khoản tiền khác mà Chủ thẻ không chứng minh được quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp. Đồng ý để Ngân hàng tự động ghi nợ, tạm khóa và trích tiền trên tài khoản thanh toán/tiền gửi có kỳ hạn/tiền gửi tiết kiệm của Chủ thẻ tại Ngân hàng để thu hồi các khoản tiền này mà không cần thông báo cho

Chủ thẻ. Trường hợp trích tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm thì tiền gửi được coi như tất toán trước hạn và được hưởng lãi suất theo quy định tại sản phẩm/chính sách nội bộ của Ngân hàng từng thời kỳ.

2.2.12. Không sử dụng lại thẻ mà Chủ thẻ đã thông báo cho Ngân hàng là bị mất cắp, thất lạc và thẻ nghi ngờ bị gian lận, giả mạo.

2.2.13. Công nhận toàn bộ các giao dịch thẻ đã được hệ thống của Ngân hàng ghi nhận trước khi Ngân hàng thực hiện khóa thẻ theo các trường hợp quy định tại bản Điều kiện và Điều khoản này.

2.2.14. Chỉ sử dụng thẻ trong hạn mức được Ngân hàng cấp.

2.2.15. Chịu trách nhiệm và thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ của chủ thẻ phụ (nếu có) với Ngân hàng về việc sử dụng thẻ, bao gồm cả việc sử dụng thẻ của (các) Chủ thẻ phụ.

2.2.16. Chịu trách nhiệm về tất cả những giao dịch thẻ đã thực hiện trước thời điểm Ngân hàng nhận được thông báo bằng văn bản hoặc hình thức khác theo thỏa thuận giữa các Bên về việc thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ PIN hoặc có nghi ngờ thẻ đang bị lợi dụng, bao gồm nhưng không giới hạn giao dịch lừa đảo và/hoặc chữ ký giả mạo bởi bất kỳ người nào.

2.2.17. Cam kết thực hiện nghĩa vụ thanh toán dư nợ theo sao kê. Chủ thẻ ủy quyền cho Ngân hàng được toàn quyền trích nợ từ tài khoản tiền gửi thanh toán, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các khoản tiền gửi khác (nếu có) của Chủ thẻ tại Ngân hàng và/hoặc bất cứ tổ chức tín dụng nào khác (đối với thẻ cá nhân và thẻ tổ chức) và/hoặc trực tiếp liên hệ để nhận tiền từ đơn vị, cơ quan của Chủ thẻ làm việc (đối với thẻ cá nhân) để trả nợ. Chủ thẻ ủy quyền/đồng ý cho cơ quan/đơn vị hiện Chủ thẻ đang làm việc trích tiền lương, các khoản thu nhập hàng tháng và các khoản thu nhập khác (nếu có) để chi trả cho Ngân hàng (đối với thẻ cá nhân). Việc ủy quyền này hết hiệu lực khi Chủ thẻ đã thanh toán tất cả các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính khác của chủ thẻ phát sinh tại Ngân hàng.

2.2.18. Trường hợp Chủ thẻ là cá nhân không tiếp tục làm việc tại cơ quan hiện tại, Chủ thẻ cam kết thông báo cho Ngân hàng trước thời hạn 07 ngày làm việc so với ngày dự kiến nghỉ việc.

2.2.19. Chủ thẻ công nhận, không hủy ngang và chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch được thực hiện theo đúng quy định của Ngân hàng về quy trình thanh toán bằng thẻ qua internet và/hoặc có sử dụng chữ ký, chữ ký điện tử của Chủ thẻ và/hoặc người được ủy quyền sử dụng thẻ (đối với thẻ của Tổ chức) mà không được hủy, phủ nhận, từ chối, thay đổi, thoái thác giao dịch với bất kỳ lý do nào; cam kết chịu mọi rủi ro liên quan đến giao dịch đã được thực hiện.

2.2.20. Đối với các giao dịch thực hiện bằng phương tiện điện tử, Chủ thẻ nhận thức đầy đủ các rủi ro có thể gặp phải khi thực hiện giao dịch, cam kết các hoạt động diễn ra do chứng từ điện tử của mình lập khớp đúng quy định và chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra do vô tình hay cố ý để lộ chữ ký điện tử. Tự chịu toàn bộ trách nhiệm có liên quan (bao gồm những thiệt hại đối với

Chủ thẻ phát sinh từ những giao dịch thẻ) trong việc Chủ thẻ cung cấp các thông tin thẻ bao gồm nhưng không hạn chế ở những thông tin gồm: số thẻ, thời hạn thẻ, thông tin chủ thẻ và các thông tin khác trên các website, ứng dụng, các nền tảng trực tuyến của tổ chức, cá nhân, bên thứ ba khác dù việc cung cấp thông tin này là có chủ đích hay vô tình.

2.2.21. Chủ thẻ cam kết không khiếu kiện khi giao dịch có thể bị gián đoạn, không thực hiện được do bị lỗi mạng, đường truyền, hệ thống, điện, hoặc có lỗi kỹ thuật khác của bên cung ứng dịch vụ hoặc của Ngân hàng, hoặc do có các sự cố xuất phát từ các nguyên nhân thời tiết, động đất, thiên tai hoặc các sự kiện bất khả kháng khác.

2.2.22. Trường hợp Chủ thẻ thực hiện thanh toán bằng thẻ qua internet để thanh toán cho các nhà cung ứng dịch vụ, Chủ thẻ cam kết chịu trách nhiệm đối với các vấn đề phát sinh trong quy trình thanh toán theo thỏa thuận với nhà cung ứng dịch vụ.

2.2.23. Chủ thẻ chịu trách nhiệm trong phạm vi lỗi của mình về việc sử dụng thẻ sai hoặc trái với nội dung Điều kiện và điều khoản này và cam kết bồi hoàn cho Ngân hàng để bù đắp bất kỳ tổn thất, thiệt hại, lãi, chuyển đổi, và bất kỳ chi phí tài chính nào khác mà Ngân hàng có thể bị phát sinh và/hoặc phải gánh chịu do các hành vi gian lận, giả mạo, vi phạm nghĩa vụ, lỗi của Chủ thẻ.

2.2.24. Cam kết đã đọc và hiểu rõ các nội dung tại Bản Điều kiện và điều khoản này, đã được Ngân hàng phổ biến, hướng dẫn về dịch vụ thẻ, thao tác sử dụng thẻ đúng quy trình, các rủi ro có thể gặp phải khi sử dụng thẻ và cách xử lý khi gặp sự cố thẻ, những hành vi bị cấm khi sử dụng thẻ và trách nhiệm của chủ thẻ khi vi phạm.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG

3.1. Quyền của Ngân hàng

3.1.1. Thu thập thông tin về Chủ thẻ khi Chủ thẻ đề nghị phát hành thẻ và/hoặc áp dụng các biện pháp thu hồi nợ phù hợp với các quy định của pháp luật và có quyền từ chối các yêu cầu không hợp lý của Chủ thẻ.

3.1.2. Ngân hàng được chủ động trích (ghi Nợ) tài khoản thanh toán (đối với thẻ ghi nợ) hoặc tài khoản thẻ (đối với thẻ tín dụng) và/hoặc các tài khoản khác của Chủ thẻ tại Ngân hàng trong trường hợp:

(a) Để thu các khoản tiền/thanh toán, bao gồm nhưng không giới hạn: nợ đến hạn, quá hạn, lãi, phí thường niên, các khoản bồi hoàn, các khoản tiền khác được quy định tại Điều khoản điều kiện này và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh trong quá trình quản lý tài khoản và cung ứng dịch vụ thẻ; trong trường hợp Chủ thẻ thanh toán không đầy đủ bất cứ khoản tiền nào nêu trên, vào bất kỳ lúc nào trong ngày làm việc sau ngày đến hạn thanh toán và/hoặc ngày khác theo thông báo của Ngân hàng, Ngân hàng có thể chủ động thu nợ trên số dư trong tài khoản thanh toán chỉ định hoặc bất kỳ tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi/tài khoản tiền gửi tiết kiệm hiện có của khách hàng tại Ngân hàng (bao gồm cả các tài khoản thanh toán/tài khoản tiền gửi có kỳ hạn/tài khoản tiền gửi

tiết kiệm được mở sau ngày phát hành thẻ) của Chủ thẻ mở tại Ngân hàng mà không cần có sự đồng ý của Chủ thẻ. Trường hợp thu nợ trên tài khoản tiền gửi có kỳ hạn/tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi sẽ được coi là tất toán trước hạn và số tiền bị trích thu nợ sẽ được hưởng lãi suất theo quy định tại sản phẩm tiền gửi của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Quy trình, thủ tục thu nợ được thực hiện theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Trường hợp tài khoản thanh toán là tài khoản ngoại tệ, trong phạm vi pháp luật cho phép, việc thanh toán sẽ được thực hiện sau khi đã chuyển đổi theo tỷ giá Ngân hàng quyết định tại thời điểm thu nợ. Thỏa thuận này thay thế cho hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Chủ thẻ và Ngân hàng. Ngân hàng cũng có thể quy đổi điểm thưởng (nếu có) trên hệ thống của Chủ thẻ để thanh toán nợ quá hạn của Chủ thẻ mà không cần có sự đồng ý của Chủ thẻ.

(b) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc cưỡng chế thi hành quyết định về xử phạt vi phạm hành chính, quyết định thi hành án, quyết định thu thuế hoặc thực hiện các nghĩa vụ thanh toán khác theo quy định của pháp luật;

(c) Để điều chỉnh các khoản mục bị hạch toán sai, hạch toán không đúng bản chất hoặc không phù hợp với nội dung sử dụng của thẻ theo quy định của pháp luật và thông báo cho Chủ thẻ biết;

(d) Để chi trả các khoản thanh toán thường xuyên, định kỳ theo thỏa thuận giữa Chủ thẻ và Ngân hàng.

3.1.3. Từ chối/tạm dừng thực hiện lệnh thanh toán/giao dịch của Chủ thẻ trong các trường hợp sau:

(a) Chủ thẻ không thực hiện đầy đủ các yêu cầu về thủ tục thanh toán, lệnh thanh toán không hợp lệ, không khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký trong hồ sơ mở thẻ hoặc không phù hợp với các thỏa thuận giữa Chủ thẻ và Ngân hàng;

(b) Tài khoản không có đủ số dư hoặc hạn mức tín dụng để thực hiện thanh toán;

(c) Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc có bằng chứng về việc giao dịch thẻ nhằm rửa tiền, tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền; hoặc thông báo từ Bên thứ ba về việc thẻ có dấu hiệu nghi ngờ bị gian lận, giả mạo;

(d) Thẻ đang bị tạm khóa, bị phong tỏa toàn bộ hoặc thẻ đang bị đóng, thẻ bị tạm khóa hoặc phong tỏa một phần mà phần không bị tạm khóa, phong tỏa không có đủ số dư để thực hiện việc thanh toán;

(e) Thẻ bị mất theo thông báo của Chủ thẻ;

(f) Thẻ bị hết hạn/bị khóa.

(g) Giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh thời hạn cư trú của Chủ thẻ là người nước ngoài hết hiệu lực và/hoặc Chủ thẻ không cung cấp, cập nhật các giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh việc cư trú hợp pháp tại Việt Nam theo quy định và yêu cầu của Ngân hàng.

(h) Ngân hàng có quyền từ chối hoặc tạm dừng giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử trong trường

hợp thẻ có phát sinh giao dịch nhưng không thể liên hệ được với khách hàng theo thông tin liên hệ do khách hàng cung cấp.

(i) Các trường hợp khác theo quy định của Ngân hàng và của pháp luật có liên quan từng thời kỳ.

3.1.4. Dựa vào (các) chứng từ giao dịch để ghi nợ Tài khoản và/hoặc ghi nợ (các) khoản mất mát hay thiệt hại phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ và ghi nợ tài khoản (các) khoản phí dịch vụ.

3.1.5. Lựa chọn việc thu phí đối với thẻ phụ từ tài khoản mà Chủ thẻ đã đăng ký với Ngân hàng.

3.1.6. Kiểm tra chữ ký và giấy tờ tùy thân của Chủ thẻ cá nhân và kiểm tra chữ ký, thông tin của người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức và/hoặc mẫu dấu của Tổ chức khi thực hiện các giao dịch. Từ chối ủy quyền thanh toán, thay thế thẻ, gia hạn thẻ hoặc chấm dứt việc sử dụng thẻ theo quyết định của Ngân hàng. Trong bất cứ trường hợp nào nêu trên, các nghĩa vụ của Chủ thẻ quy định tại Điều kiện và điều khoản này sẽ không bị ảnh hưởng.

3.1.7. Ngân hàng được miễn trách nhiệm trong trường hợp hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin … bị trục trặc, hoặc vì bất kỳ lý do gì ngoài khả năng kiểm soát của Ngân hàng gây nên khiến cho Chủ thẻ không thực hiện được giao dịch thẻ, gánh chịu thiệt hại, tổn thất dưới bất cứ hình thức nào, kể cả tổn thất phát sinh do thẻ bị lợi dụng, thực hiện các giao dịch trái phép.

3.1.8. Cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân được phép khác thông tin về Chủ thẻ và/hoặc chủ thẻ phụ, số PIN, sao kê và các giao dịch thẻ theo đúng quy định của pháp luật; cung cấp các thông tin giao dịch thẻ qua tổng đài sau khi người yêu cầu cung cấp thông tin khai báo đúng thông tin Chủ thẻ đã đăng ký.

3.1.9. Được quyền khóa thẻ/tính năng trên thẻ khi nhận được thông báo thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ PIN hoặc theo yêu cầu của Chủ thẻ chính hoặc Ngân hàng có nghi ngờ thẻ/thông tin thẻ đang bị lợi dụng theo số điện thoại/địa chỉ email đã thỏa thuận tại Điều kiện và điều khoản này.

3.1.10. Thu hồi thẻ bất kỳ lúc nào bằng cách thông báo về việc thu hồi này cho Chủ thẻ trong các trường hợp: Chủ thẻ vi phạm hoặc Ngân hàng nghi ngờ Chủ thẻ vi phạm quy định của pháp luật, của Ngân hàng, của tổ chức thẻ quốc tế (TCTQT) hoặc vi phạm các thỏa thuận trong Điều kiện và điều khoản này; hoặc các trường hợp nghi ngờ thẻ giả, giả mạo. Trong trường hợp này, Ngân hàng được miễn trách đối với bất kỳ sự phương hại nào tới danh dự, uy tín của Chủ thẻ trong việc thu hồi lại thẻ.

3.1.11. Ngân hàng không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ trường hợp nào thẻ bị ĐVCNT từ chối. Đồng thời không chịu trách nhiệm về việc cung ứng hàng hóa, dịch vụ đã được thanh toán bằng thẻ và được quyền ghi nợ vào tài khoản giá trị các giao dịch đã thanh toán bằng thẻ cho dù hàng hóa, dịch vụ có được giao, nhận, được thực hiện đúng, đủ hay không.

3.1.12. Được quyền sử dụng, xử lý TSĐB của các khoản vay khác của Chủ thẻ tại Ngân hàng để

thu nợ cho khoản dư nợ của thẻ khi dư nợ thẻ chuyển thành nợ quá hạn.

3.1.13. Đối với thẻ phát hành theo diện cho khách hàng là cá nhân có tài khoản lương tại Ngân hàng, Ngân hàng có quyền khóa/tạm khóa thẻ của Chủ thẻ và thực hiện các biện pháp thu hồi nợ vay trong trường hợp đơn vị trả lương của Chủ thẻ có các dấu hiệu (theo đánh giá của Ngân hàng) có thể ảnh hưởng tới nguồn thu nhập và khả năng trả nợ đầy đủ, đúng hạn của Chủ thẻ.

3.1.14 Các quyền khác (nếu có) sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa Chủ thẻ và Ngân hàng và không trái với quy định của pháp luật hiện hành.

3.2. Nghĩa vụ của Ngân hàng

3.2.1. Thực hiện lệnh thanh toán của Chủ thẻ sau khi đã kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của lệnh thanh toán.

3.2.2. Lưu giữ mẫu chữ ký của Chủ thẻ để đối chiếu trong quá trình sử dụng thẻ.

3.2.3. Ghi có vào tài khoản Chủ thẻ kịp thời các lệnh thanh toán chuyển tiền đến, nộp tiền mặt vào tài khoản; hoàn trả kịp thời các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn đã ghi nợ đối với tài khoản của Chủ thẻ.

3.2.4. Thông tin đầy đủ, kịp thời về các giao dịch phát sinh trên thẻ theo thỏa thuận với Chủ thẻ và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với những thông tin mà mình cung cấp.

3.2.5. Đảm bảo bí mật các thông tin liên quan đến thẻ và giao dịch trên tài khoản của Chủ thẻ theo quy định của pháp luật.

3.2.6. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại do sai sót hoặc bị lợi dụng, lừa đảo trên tài khoản của Chủ thẻ do lỗi của Ngân hàng.

3.2.7. Tuân thủ quy định pháp luật phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố.

3.2.8. Giải quyết hoặc trả lời các khiếu nại, thắc mắc của Chủ thẻ có liên quan đến việc phát hành, sử dụng và thanh toán thẻ trong vòng không quá 45 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tra soát từ Chủ thẻ Ghi nợ quốc tế và thẻ Tín dụng quốc tế, và 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu tra soát từ Chủ thẻ Ghi nợ nội địa.

3.2.9. Khóa thẻ khi nhận được thông báo ban đầu của Chủ thẻ về việc thẻ bị lộ số PIN, thẻ bị thất lạc/mất cắp hoặc nghi ngờ bị lợi dụng hoặc theo đề nghị của Chủ thẻ khi Chủ thẻ nghi ngờ có gian lận và tổn thất, với điều kiện Chủ thẻ cung cấp chính xác thông tin do Ngân hàng yêu cầu liên quan đến tài khoản như được quy định tại Điều 4.4 dưới đây.

3.2.10. Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, phòng ngừa rủi ro cho giao dịch theo các nguyên tắc quản lý rủi ro trong hoạt động Ngân hàng điện tử; bảo mật thông tin liên quan đến hoạt động thẻ; bảo đảm hệ thống cơ sở hạ tầng, kỹ thuật phục vụ quản lý hoạt động phát hành, thanh toán thẻ

vận hành thông suốt và an toàn;

3.2.11. Phổ biến, hướng dẫn cho Chủ thẻ về dịch vụ thẻ, thao tác sử dụng thẻ đúng quy trình, các rủi ro có thể gặp phải khi sử dụng thẻ và cách xử lý khi gặp sự cố, những hành vi bị cấm khi sử dụng thẻ và trách nhiệm của chủ thẻ khi vi phạm.

3.2.12. Thiết lập, duy trì đường dây nóng liên tục 24/7 để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của Chủ thẻ.

3.2.13. Thông báo cho chủ thẻ về việc phát hành thẻ, số dư tài khoản, lịch sử giao dịch thẻ và các thông tin cần thiết khác khi có phát sinh qua SMS và/hoặc email theo thông tin mà Chủ thẻ đã đăng ký hoặc cập nhật tới Ngân hàng từng thời kỳ và/hoặc các hình thức thông báo khác theo quy định, quyết định của Ngân hàng từng thời kỳ.

ĐIỀU 4: SỬ DỤNG THẺ

4.1. Thẻ Ghi nợ nội địa, thẻ Ghi nợ quốc tế hoặc thẻ Tín dụng quốc tế là và sẽ luôn là tài sản của Ngân hàng, Ngân hàng giữ quyền quyết định thu hồi thẻ Ghi nợ nội địa, thẻ Ghi nợ quốc tế và thẻ Tín dụng quốc tế và/hoặc bất kỳ các dịch vụ nào có liên quan được cung cấp vào bất kỳ thời điểm nào và sẽ thông báo cho Chủ thẻ về sự thu hồi đó nếu cần thiết theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam.

4.2. Khi nhận được thẻ, Chủ thẻ cần ký lên bề mặt thẻ ngay lập tức. Thẻ sẽ không thể chuyển giao và chỉ có thể được sử dụng để thực hiện các giao dịch trong thời hạn hiệu lực bởi Chủ thẻ.

4.3. Chủ thẻ phải giữ thẻ an toàn và đảm bảo rằng số thẻ và số PIN không bị tiết lộ cho bất kỳ Bên thứ ba nào trong bất kỳ hoàn cảnh nào hoặc bằng bất kỳ phương thức nào cho dù tự nguyện hoặc không. Chủ thẻ không được chọn một mã PIN mà rõ ràng có liên quan đến các thông tin như là ngày sinh, số điện thoại, số giấy tờ tùy thân (thẻ căn cước/CCCD) hoặc đưa ra một phần có thể nhận biết là tên của Chủ thẻ. Mã PIN không được dễ đoán (như là 111. 1234 vv…) hoặc được ghi trên các vật dụng thường xuyên được mang theo hoặc lưu trữ cùng với thẻ hoặc thông tin nhận dạng hoặc các vật có thể bị mất hay đánh cắp cùng với thẻ. Ngoài ra, các Bên cũng thống nhất và đồng ý đảm bảo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật trong sử dụng thẻ và trường hợp mất thẻ hoặc lộ thông tin thẻ, những nội dung đảm bảo này được quy định tại những điều khoản tương ứng cụ thể tại bản Điều kiện và Điều khoản này và quy định nội bộ của Ngân hàng trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

4.4. Khi mất thẻ hoặc lộ thông tin thẻ, Chủ thẻ phải thông báo ngay cho Ngân hàng. Trong vòng tối đa 60 phút kể từ thời điểm Ngân hàng nhận được yêu cầu qua điện thoại hoặc các hình thức khác từ Chủ thẻ hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa Chủ thẻ và Ngân hàng, Ngân hàng sẽ tiến hành tạm khóa thẻ của khách hàng cho tới khi có thông báo/yêu cầu tiếp theo từ Chủ thẻ. Ngân hàng chịu trách nhiệm về các giao dịch phát sinh sau thời điểm khóa thẻ. Nếu thẻ không được khóa sau khi Khách hàng yêu cầu, trách nhiệm của Chủ thẻ chỉ kéo dài tới hết 60 phút tính

từ thời điểm Ngân hàng nhận được yêu cầu, sau 60 phút này thì Ngân hàng sẽ phải chịu trách nhiệm. Thời hạn Ngân hàng hoàn thành việc xử lý thông báo nhận được từ Chủ thẻ là không quá 05 ngày làm việc đối với Thẻ có BIN do Ngân hàng Nhà nước cấp hoặc 10 ngày làm việc đối với thẻ có BIN do một TCTQT cấp kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ thẻ. Trong trường hợp thẻ bị lợi dụng, gây ra thiệt hại, Ngân hàng và Chủ thẻ cùng phân định trách nhiệm và thương lượng cách xử lý hậu quả. Việc xác định trách nhiệm sẽ dựa trên yếu tố lỗi của các Bên. Các Bên chịu trách nhiệm trong phần lỗi (nếu có) của mình và cùng thương lượng cách xử lý hậu quả. Trường hợp hai Bên không thống nhất thì việc xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật.

4.5. Chủ thẻ có thể sử dụng thẻ để thanh toán cho hàng hóa hoặc các dịch vụ tại các điểm bán lẻ hoặc các đơn vị chấp nhận thẻ bao gồm cả trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ ở nước ngoài bằng việc ký phiếu bán hàng và/hoặc sử dụng số PIN và Ngân hàng sẽ ghi nợ vào tài khoản giá trị của giao dịch theo cách đó. Để làm rõ, việc ghi nợ vào tài khoản giá trị của giao dịch sẽ không phụ thuộc vào việc Chủ thẻ ký phiếu bán hàng và/hoặc sử dụng số PIN như được nêu tại Khoản này.

4.6. Chủ thẻ có thể sử dụng thẻ cùng với số PIN để rút tiền từ máy ATM chấp nhận thẻ trong thời gian hoạt động. Số tiền được rút đó sẽ được ghi nợ vào tài khoản. Chủ thẻ có thể kiểm tra thông tin về số dư tài khoản và lịch sử giao dịch thẻ qua máy ATM hoặc tại chi nhánh của Ngân hàng.

4.7. Thẻ Ghi nợ nội địa hoặc thẻ Ghi nợ quốc tế hoặc thẻ Tín dụng quốc tế có giá trị cho đến ngày cuối cùng của tháng/năm ghi trên thẻ hoặc được thông báo bởi Ngân hàng hoặc được ghi nhận ở những hình thức khác phù hợp với quy định pháp luật (tùy từng trường hợp áp dụng theo quy định của Ngân hàng) (trừ trường hợp thẻ bị mất, bị hủy hoặc chủ thẻ là cá nhân nước ngoài không được gia hạn cư trú theo yêu cầu của Ngân hàng và/hoặc các trường hợp khác theo quyết định của Ngân hàng). Thời hạn hiệu lực của thẻ theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Trường hợp chủ thẻ là người nước ngoài thì thời hạn sử dụng thẻ không vượt quá thời hạn được phép cư trú còn lại tại Việt Nam. Ngân hàng sẽ lựa chọn việc thẻ có được gia hạn mới hay không tùy thuộc vào việc đánh giá Chủ thẻ. Điều kiện và điều khoản này cũng có giá trị khi gia hạn mới cho thẻ.

4.8. Chủ thẻ chịu toàn bộ trách nhiệm đối với các giao dịch được tiến hành bằng việc sử dụng thẻ Ghi nợ nội địa hoặc thẻ Ghi nợ quốc tế hoặc thẻ Tín dụng quốc tế cho dù thực hiện qua ATM, POS (điểm bán hàng) hoặc bất kỳ phương tiện sẵn có nào khác. Bất kỳ chỉ dẫn nào được đưa ra bằng thẻ sẽ không thể hủy ngang. Chủ thẻ, trong mọi trường hợp, phải chấp nhận toàn bộ trách nhiệm đối với việc dùng thẻ, cho dù được thực hiện với sự hiểu biết hoặc cho phép của Chủ thẻ hay không, rõ ràng hay ngầm định. Chủ thẻ theo đây ủy quyền cho Ngân hàng ghi nợ (các) tài khoản của Chủ thẻ (các) khoản tiền được rút hoặc chuyển hoặc được thực hiện bởi bất kỳ chỉ thị nào mà có thể nhận được bằng việc sử dụng thẻ theo ghi nhận giao dịch của Ngân hàng. Chủ thẻ không phải chịu trách nhiệm về các giao dịch trái phép thuộc một trong các trường hợp sau:

4.8.1. Bị gây ra bởi hành động gian lận hay cẩu thả của nhân viên Ngân hàng hoặc của nhân viên các công ty có liên quan đến các thỏa thuận liên kết hoặc của ĐVCNT;

4.8.2. Giao dịch được thực hiện sau khi Chủ thẻ đã thông báo tới Ngân hàng về việc thẻ bị mất

hoặc đánh cắp theo quy định tại Khoản 4.4 Điều này;

4.8.3. Gây ra bởi cùng một giao dịch đã bị tính hơn một lần vào tài khoản của Chủ thẻ do sai sót.

4.9. Tài khoản của Chủ thẻ sẽ được ghi Nợ số tiền rút, chuyển và/hoặc các giao dịch khác thực hiện bằng thẻ Ghi nợ nội địa hoặc thẻ Ghi nợ quốc tế hoặc thẻ Tín dụng quốc tế. Chủ thẻ Ghi nợ nội địa và/hoặc thẻ Ghi nợ quốc tế phải duy trì đủ tiền trong tài khoản của Chủ thẻ để đáp ứng bất kỳ giao dịch nào và không được sử dụng thẻ Ghi nợ nội địa hoặc thẻ Ghi nợ quốc tế để rút quá số dư tài khoản của Chủ thẻ. Chủ thẻ không được sử dụng thẻ Tín dụng quốc tế để rút tiền bằng vượt quá hạn mức giao dịch theo quy định của Ngân hàng.

4.10. Trong quá trình sử dụng Thẻ:

4.10.1. Thẻ có thể bị từ chối thanh toán trong trường hợp: thiếu số dư tài khoản, thẻ bị mất/mất cắp/hư hỏng, lỗi POS, quá hạn mức sử dụng thẻ (hạn mức sử dụng thẻ theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ), vượt quá hạn mức rút tiền tại nước ngoài theo quy định pháp luật Việt Nam, hết hạn, nhập thiếu thông tin thẻ để thanh toán online và các phương thức thanh toán không hợp lệ.

4.10.2. Ngân hàng có quyền tạm khóa một phần hoặc toàn bộ thẻ trong các trường hợp sau đây: bị mất/mất cắp, chưa được nhận bởi Chủ thẻ, liên quan đến gian lận/lừa đảo, theo yêu cầu của Chủ thẻ, lỗi do nhập quá lần số PIN, khách hàng phát sinh nợ quá hạn tại Ngân hàng hoặc tại các TCTD khác, trong quá trình đối soát để thực hiện thanh toán của thẻ, các trường hợp khác quy định tại Điều kiện và điều khoản này và theo quy định pháp luật.

4.10.3. Thẻ có thể bị thu hồi hoặc hủy hiệu lực của thẻ trong quá trình sử dụng thẻ nếu Ngân hàng phát hiện khách hàng sử dụng giấy tờ giả, mạo danh để phát hành thẻ hoặc sử dụng thẻ cho mục đích lừa đảo, gian lận hoặc trong trường hợp thẻ giả, hoặc các hoạt động bất hợp khác và các trường hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4.10.4. Trong bất kỳ trường hợp nào được nêu trên sẽ không làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ thẻ được quy định trong Điều kiện và điều khoản này.

4.11. Các nội dung không được đề cập trong Điều kiện và điều khoản này về phát hành và sử dụng thẻ sẽ tuân theo pháp luật Việt Nam.

4.12. Ngân hàng sẽ xem xét cấp tín dụng qua thẻ tín dụng cho Chủ thẻ thông qua việc đánh giá khả năng tài chính của khách hàng, đánh giá phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp và thông tin về người có liên quan theo quy định nội bộ của Ngân hàng trước khi quyết định cấp tín dụng. Chủ thẻ không được sử dụng quá hạn mức tín dụng được cấp. Nếu số tiền giao dịch nhiều hơn hạn mức tín dụng tại thời điểm giao dịch, Ngân hàng có thể không thông báo, không thực hiện giao dịch hoặc dừng thanh toán giao dịch đó và thu hồi lại các lần thực hiện liên quan.

4.13. Các giao dịch bằng đồng ngoại tệ sẽ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ

giá của TCTQT và/hoặc Ngân hàng vào ngày giao dịch và/hoặc ngày xử lý giao dịch của TCTQT. Bất kỳ tỷ giá quy đổi nào cũng bao gồm các loại phí và các khoản thu của bên thứ ba (bao gồm cả các TCTQT) thu của Ngân hàng.

Đối với giao dịch nước ngoài, Ngân hàng sẽ thu thêm một khoản phí giao dịch nước ngoài (theo biểu phí của Ngân hàng từng thời kỳ) đối với mỗi giao dịch nước ngoài. Giao dịch nước ngoài được xác định theo (i) mã quốc gia của giao dịch và/hoặc (ii) thông tin phân loại giao dịch do TCTQT (bao gồm nhưng không hạn chế TCTQT như Visa) xác định/phân loại tại thời điểm thanh quyết toán được lưu trữ trên hệ thống của Ngân hàng và/hoặc (iii) các tiêu chí xác định/xử lý giao dịch của Ngân hàng. Chủ thẻ theo đây đồng ý với cách xác định tỷ giá, phí giao dịch nước ngoài như nêu trên.

4.14. Chủ thẻ có thể rút tiền mặt trong giới hạn ứng tiền quy định bởi Ngân hàng và phí rút tiền mặt được thu từ Chủ thẻ.

4.15. Phạm vi sử dụng thẻ:

4.15.1. Thẻ Ghi nợ nội địa được sử dụng để rút tiền/kiểm tra số dư/nộp tiền tại ATM của Ngân hàng Woori hoặc rút tiền mặt/kiểm tra số dư tại ATM thuộc mạng lưới NAPAS hoặc tại ATM liên kết với BC Card tại Hàn Quốc, giao dịch thanh toán hàng hóa/dịch vụ (giao dịch trực tuyến và không trực tuyến trong nước), nạp tiền điện thoại (trả trước/ trả sau), mua mã thẻ trả trước để thanh toán tiền điện thoại … theo quy định của Ngân hàng. Các giao dịch nộp/rút tiền mặt tại ATM không áp dụng với thẻ Ghi nợ nội địa dành cho tổ chức.

4.15.2. Thẻ ghi nợ quốc tế được sử dụng để rút tiền/kiểm tra số dư/nộp tiền tại ATM của Ngân hàng Woori, giao dịch thanh toán hàng hóa/dịch vụ (giao dịch trực tuyến và không trực tuyến, nội địa và quốc tế), nạp tiền điện thoại (trả trước/ trả sau), mua mã thẻ trả trước để thanh toán tiền điện thoại … theo quy định của Ngân hàng. Các giao dịch nộp/rút tiền mặt tại ATM không áp dụng với thẻ Ghi nợ quốc tế dành cho tổ chức.

4.15.3. Thẻ Tín dụng quốc tế được sử dụng để kiểm tra số dư trên ATM, nộp/rút tiền mặt tại ATM của Ngân hàng (nếu chủ thẻ lựa chọn), thanh toán hàng hóa/dịch vụ hợp pháp (trực truyến và không trực tuyến, nội địa và quốc tế), nạp tiền điện thoại (trả trước/ trả sau), mua mã thẻ trả trước để thanh toán tiền điện thoại … theo quy định của Ngân hàng, chuyển đổi giao dịch trả góp hàng tháng. Thẻ tín dụng không được sử dụng để chuyển khoản (hoặc ghi có) vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước, ví điện tử. Các giao dịch nộp/rút tiền mặt, chức năng thanh toán trả góp hàng tháng không áp dụng với thẻ Tín dụng quốc tế dành cho tổ chức.

4.15.4. Thẻ chỉ được sử dụng để thực hiện giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử khi đã hoàn thành việc đối chiếu đảm bảo khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học của chủ thẻ đối với thẻ của khách hàng cá nhân, người đại diện hợp pháp đối với thẻ của khách hàng tổ chức theo quy định nội bộ của Ngân hàng và quy định pháp luật từng thời kỳ. Yêu cầu này không áp dụng đối với việc thực hiện giao dịch bằng thẻ vật lý tại ATM, thanh toán tại thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán,

trích nợ tự động theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và chủ thẻ và các trường hợp ngoại lệ khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng và quy định pháp luật từng thời kỳ.

4.15.5. Chủ thẻ phụ được sử dụng thẻ theo chỉ định cụ thể của chủ thẻ chính nhưng chỉ trong phạm vi pháp luật cho phép. Đối với Khách hàng là tổ chức, chủ thẻ phụ chủ thẻ phụ được sử dụng thẻ để thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử khi người đại diện hợp pháp của tổ chức đã hoàn thành việc đối chiếu đảm bảo khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học theo quy định nội bộ của Ngân hàng, quy định pháp luật từng thời kỳ và Chủ thẻ chính đã đăng ký với Ngân hàng cho phép chủ thẻ phụ đó được thực hiện giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử.

4.16. Trường hợp bất khả kháng

Những trường hợp được coi là sự kiện bất khả kháng là những sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như là hỏa hoạn, cháy, nổ, chiến tranh, dịch bệnh, cấm vận, bão, lũ lụt, thiên tai, yêu cầu của Chính phủ hoặc quân đội, hay các nguyên nhân khác vượt ngoài tầm kiểm soát của mỗi Bên và không có lỗi hay sự cẩu thả của Bên chậm trễ hay vi phạm (bao gồm nhưng không giới hạn các tình huống như: bị lỗi mạng, đường truyền, hệ thống, điện, hoặc có lỗi kỹ thuật khác của bên cung ứng dịch vụ hoặc của Tổ chức thẻ quốc tế hoặc của Ngân hàng) dẫn đến việc không thể tiếp tục thực hiện hay có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc thực hiện hoặc hiệu lực của Điều kiện và điều khoản này.Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng cho một bên thì trong vòng bảy (07) ngày bên đó có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho bên còn lại. Ngay sau khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt, các bên có trách nhiệm tích cực khắc phục hậu quả (nếu có) và tiếp tục thực hiện Điều kiện và điều khoản này.

Không bên nào phải chịu trách nhiệm cho bất kỳ sự chậm trễ hay vi phạm nào được quy định tại Điều kiện và điều khoản này trong trường hợp những chậm trễ hay vi phạm bị gây ra bởi sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, bên gặp phải trường hợp bất khả kháng cần thực hiện các biện pháp khắc phục cần thiết. Bất cứ nghĩa vụ nào của mỗi bên nảy sinh trước khi xuất hiện sự kiện bất khả kháng xảy ra đều không được miễn trừ và các bên phải thanh toán đầy đủ cho nhau các nghĩa vụ đã phát sinh trước khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn một (01) tháng, thì các bên sẽ xem xét và quyết định một cách hợp lý về nội dung các điều khoản tại Điều kiện và điều khoản này. Trong trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

4.17. Thẻ Ghi nợ quốc tế và thẻ Tín dụng quốc tế sẽ được kích hoạt theo yêu cầu của Chủ thẻ bằng việc gọi điện thoại yêu cầu kích hoạt tại tổng đài điện thoại của Ngân hàng 18006003 hoặc yêu cầu trực tiếp tại các Chi nhánh, phòng giao dịch và ATM của Ngân hàng hoặc qua ứng dụng Woori Won Banking. Việc không thực hiện kích hoạt thẻ sẽ không ảnh hưởng đến trách nhiệm của Chủ thẻ trong việc nộp phí thường niên và các loại phí khác theo quy định tại bản Điều kiện và điều khoản này.

ĐIỀU 5: LÃI SUẤT, PHÍ

5.1. Lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn, phí, phí phạt, các loại phí liên quan (nếu có), cách tính lãi, thanh toán và thu hồi nợ đối với việc sử dụng thẻ do Ngân hàng ban hành và thay đổi theo từng thời kỳ, được công bố công khai tại trụ sở, website Ngân hàng, và Hướng dẫn về Lãi suất và Phí do Ngân hàng ban hành theo từng thời kỳ.

5.1.1. Lãi suất tính lãi được quy đổi theo tỷ lệ %/ năm (lãi suất năm); một năm là 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

5.1.2. Công thức tính lãi: Số tiền lãi của từng kỳ sao kê được xác định theo công thức sau:

Số tiền lãi = Dư nợ trên sao kê x Thời gian phát sinh dư nợ thực tế x Lãi suất tính lãi/ 365

5.1.3. Lãi liên quan đến từng giao dịch sẽ được tính như sau:

a) Đối với giao dịch ứng trước tiền mặt: Tiền lãi được tính từng ngày từ ngày giao dịch ứng trước tiền mặt được thực hiện theo dư nợ chưa thanh toán của giao dịch cho đến khi giao dịch được thanh toán hết.
b) Đối với các gói trả góp: Tiền lãi sẽ được tính từng ngày trên dư nợ chưa thanh toán của gói trả góp áp dụng mức lãi suất của gói trả góp, từ ngày Chủ thẻ chấp thuận gói trả góp cho đến khi gói trả góp bị hủy hoặc hết hạn.
c) Đối với các giao dịch mua hàng hóa, chi phí và tất cả các khoản nợ khác (ngoại trừ giao dịch ứng trước tiền mặt, gói trả góp và khoản lãi đến hạn nhưng chưa trả của kỳ trước): Tiền lãi sẽ được tính chỉ khi Chủ thẻ không thanh toán đầy đủ dư nợ trên sao kê vào hoặc trước ngày đến hạn thanh toán. Tiền lãi sẽ được tính từ ngày việc ghi nợ giao dịch được thực hiện cho đến ngày thanh toán.

5.2. Phí thường niên được thu vào kỳ sao kê đầu tiên sau khi thẻ được kích hoạt thành công. Phí thường niên các năm tiếp theo sẽ được tính một lần một năm vào tháng tương ứng mà thẻ lần đầu được phát hành. Tất cả các phí khác sẽ được thu ngay khi khách hàng sử dụng dịch vụ hoặc khi giao dịch phát sinh.

5.3. Tài khoản của Chủ thẻ sẽ được ghi nợ khoản phí phù hợp với Hướng dẫn về Lãi suất và Phí do Ngân hàng quy định phù hợp với quy định của pháp luật đồng thời được niêm yết công khai và cung cấp cho Chủ thẻ tại website của Ngân hàng. Ngân hàng có thể thay đổi Hướng dẫn vê Lãi suất và Phí này tùy từng thời điểm hợp lý với điều kiện phải gửi thông báo trước về mức phí mới này đến Chủ thẻ.

5.4. Trong trường hợp tài khoản không có đủ tiền để khấu trừ các phí đó, Ngân hàng được quyền từ chối bất kỳ giao dịch nào tiếp theo.

5.5. Sau ngày đến hạn thanh toán, nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Khoản thanh toán tối thiểu, số tiền chưa thanh toán của Khoản thanh toán tối thiểu sẽ chuyển sang

nợ chậm trả. Sau 03 (ba) kỳ sao kê liên tiếp mà Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn khoản thanh toán tối thiểu, toàn bộ dư nợ chưa thanh toán sẽ chuyển sang nợ quá hạn. Toàn bộ dư nợ quá hạn sẽ áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định.

ĐIỀU 6: THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

6.1. Chủ thẻ phải thông báo cho Ngân hàng ngay lập tức về bất kỳ thay đổi nào đối với thông tin của Chủ thẻ bằng bất kỳ phương thức nào mà Chủ thẻ muốn sử dụng để trao đổi thông tin giữa Chủ thẻ và Ngân hàng. Đối với Chủ thẻ là người nước ngoài, việc cung cấp thông tin gia hạn về thời hạn cư trú là bắt buộc để tiếp tục sử dụng thẻ.

6.2. Ngân hàng có quyền và Chủ thẻ theo đây đồng ý để Ngân hàng được quyền tiết lộ và chia sẻ với và nhận từ các tổ chức, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có liên quan đến giao dịch thẻ theo quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng.

6.3. Chủ thẻ theo đây đồng ý để Ngân hàng được quyền cung cấp thông tin liên quan đến giao dịch thẻ và thông tin của Chủ thẻ và/hoặc người được ủy quyền sử dụng thẻ và/hoặc người có liên quan của Chủ thẻ cho bên thứ ba cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ hoặc bên thứ ba hợp tác với Ngân hàng với mục đích gia tăng thêm giá trị sử dụng thẻ cho Chủ thẻ hoặc cơ quan công an, Ngân hàng Nhà nước để điều tra về giao dịch theo quy định của pháp luật.

6.4. Ngoại trừ quy định tại Khoản 6.2 và 6.3 Điều này, Ngân hàng có trách nhiệm bảo vệ thông tin của Chủ thẻ, không được phép thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin của Chủ thẻ cho Bên thứ ba khi chưa được sự đồng ý của Chủ thẻ, trừ trường hợp được yêu cầu bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

6.5. Khách hàng, bằng việc cung cấp dữ liệu cá nhân của chính khách hàng và/hoặc dữ liệu cá nhân của những người có liên quan và/hoặc dữ liệu cá nhân do khách hàng tổ chức cam kết, cam kết đã có được sự chấp thuận hợp pháp và hợp lệ của (các) chủ thể dữ liệu liên quan đến việc cung cấp dữ liệu cá nhân cho Ngân hàng, đồng ý việc Ngân hàng được thực hiện xử lý dữ liệu cá nhân nhận được từ khách hàng theo quy định của pháp luật có liên quan và đồng ý với thông báo, chính sách của Ngân hàng về việc xử lý dữ liệu cá nhân, với điều kiện rằng Ngân hàng cũng cam kết tuân thủ quy định pháp luật có liên quan khi xử lý dữ liệu cá nhân được cung cấp; đồng thời sẵn sàng cung cấp bằng chứng về việc chấp thuận của (các) chủ thể dữ liệu ngay khi được Ngân hàng yêu cầu. Nội dung này không hạn chế việc các Bên thực hiện ký kết văn bản có liên quan về xử lý dữ liệu cá nhân theo pháp luật có liên quan hoặc ngầm định việc không phải ký kết những văn bản này giữa các Bên.

ĐIỀU 7: XỬ LÝ TRA SOÁT, KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

7.1. Khi phát hiện có sai sót hoặc nghi ngờ có sai sót về giao dịch thẻ, Chủ thẻ có quyền khiếu nại, yêu cầu Ngân hàng tra soát. Thời hạn Chủ thẻ phải gửi khiếu nại, yêu cầu tra soát cho Ngân hàng là 60 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch đề nghị khiếu nại, yêu cầu tra soát. Ngân hàng có trách

nhiệm giải quyết yêu cầu tra soát của Chủ thẻ và trả lời cho Chủ thẻ.

Hình thức tiếp nhận thông tin tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ bao gồm qua tổng đài điện thoại (có ghi âm) của Ngân hàng 18006003 (24/7) và qua các điểm giao dịch của Ngân hàng, đảm bảo xác thực những thông tin cơ bản mà Chủ thẻ đã cung cấp cho Ngân hàng.

7.2. Ngân hàng có trách nhiệm xử lý yêu cầu tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ và trả lời cho Chủ thẻ trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu tra soát từ Chủ thẻ Ghi nợ quốc tế và thẻ Tín dụng quốc tế, và 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu tra soát từ Chủ thẻ Ghi nợ nội địa.

7.3. Ngân hàng không chịu trách nhiệm đối với việc từ chối chấp nhận thẻ từ bất kỳ ĐVCNT. Ngân hàng cũng không chịu trách nhiệm theo bất kỳ cách thức nào đối với bất kỳ hàng hóa hoặc dịch vụ nào được cung cấp cho Chủ thẻ. Bất cứ yêu cầu khiếu nại nào của Chủ thẻ đối với ĐVCNT đều không loại bỏ nghĩa vụ của Chủ thẻ đối với Ngân hàng theo đây. Cụ thể, việc thiết lập, điều chỉnh hoặc chấm dứt chỉ dẫn ủy quyền ghi nợ trực tiếp cho bất kỳ khoản thanh toán thường xuyên nào được tính vào tài khoản của Chủ thẻ là hoàn toàn giữa Chủ thẻ và (các) ĐVCNT tương ứng. Ngân hàng có quyền không thiết lập, điều chỉnh hoặc chấm dứt bất kỳ thỏa thuận nào trong trường hợp có tranh chấp giữa Chủ thẻ và ĐVCNT có liên quan.

7.4. Bất kỳ tranh chấp hoặc bất đồng ý kiến nào giữa Chủ thẻ và Ngân hàng liên quan đến việc phát hành và sử dụng thẻ Tín dụng quốc tế hoặc thẻ Ghi nợ quốc tế hoặc thẻ Ghi nợ nội địa tại Việt Nam sẽ được giải quyết trước tiên bằng thương lượng thiện chí giữa hai Bên. Trong trường hợp các tranh chấp/bất đồng không thể giải quyết được bằng thương lượng thì các Bên có quyền yêu cầu các cơ quan/tổ chức có thẩm quyền/chức năng giải quyết theo quy định pháp luật.

7.5. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả tra soát, khiếu nại cho Chủ thẻ, Ngân hàng thực hiện bồi hoàn cho Chủ thẻ theo thỏa thuận và quy định của pháp luật hiện hành đối với những tổn thất phát sinh không do lỗi của Chủ thẻ và/hoặc không thuộc các trường hợp bất khả kháng thỏa thuận tại hợp đồng.

7.6. Trong trường hợp hết thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại theo thỏa thuận tại Điều kiện và điều khoản này mà vẫn chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi thuộc Bên nào thì trong vòng 15 ngày làm việc tiếp theo, các Bên cùng thỏa thuận về phương án xử lý cho đến khi có kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền phân định rõ lỗi và trách nhiệm của các Bên.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CẤM

Chủ thẻ không được sử dụng thẻ Ghi nợ nội địa hoặc thẻ Ghi nợ quốc tế hoặc thẻ Tín dụng quốc tế cho bất cứ mục đích không hợp pháp nào, bao gồm việc mua hàng hóa hoặc dịch vụ bị cấm theo pháp luật Việt Nam và pháp luật nơi Chủ thẻ mang quốc tích hoặc nơi thực hiện giao dịch thẻ.

ĐIỀU 9: HỦY HIỆU LỰC, NGỪNG HOẶC CHẤM DỨT SỬ DỤNG THẺ

9.1. Yêu cầu ngừng/chấm dứt sử dụng thẻ của Chủ thẻ chỉ được tiếp nhận nếu Chủ thẻ thực hiện yêu cầu bằng văn bản tại các điểm giao dịch của Ngân hàng hoặc qua các hình thức khác theo quy định của Ngân hàng ở từng thời kỳ. Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm thanh toán mọi chi phí phát sinh, cho đến khi nhận được thông báo xác nhận về việc ngừng/chấm dứt sử dụng thẻ từ Ngân hàng. Khi chủ thẻ yêu cầu Ngân hàng đóng thẻ tín dụng, Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán đầy đủ toàn bộ dư nợ thẻ phát sinh tại thời điểm yêu cầu đóng thẻ. Trường hợp sau hời điểm này phát sinh giao dịch chờ xử lý, giao dịch cần làm rõ hoặc yêu cầu đối soát từ ĐVCNT liên quan đến các khoản chi tiêu trước thời điểm đóng thẻ, Ngân hàng được quyền ghi nhận các khoản nợ phát sinh, lập sao kê và yêu cầu Chủ thẻ thanh toán hoặc Ngân hàng được quyền chủ động ghi nợ tài khoản của Chủ thẻ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định.

9.2. Ngân hàng tùy từng trường hợp có toàn quyền yêu cầu chấm dứt thẻ theo quy định pháp luật Việt Nam.

9.3. Các điều khoản trong Điều kiện và điều khoản này được xem là giữ nguyên hiệu lực và có giá trị thi hành nếu và trong phạm vi bất kỳ một giao dịch nào được hoàn thành mà chưa được ghi nợ vào tài khoản thanh toán (đối với thẻ ghi nợ) hoặc chưa được ghi nhận trên sao kê (đối với thẻ tín dụng) trước khi chấm dứt thỏa thuận đó.

ĐIỀU 10: SAO KÊ VÀ THANH TOÁN

10.1. Ngân hàng sẽ gửi cho Chủ thẻ bảng sao kê thẻ tín dụng mỗi tháng. Ngân hàng sẽ không gửi các sao kê cho Chủ thẻ ở trong trường hợp tài khoản thẻ không hoạt động hoặc bị ngưng hoạt động (tài khoản thẻ là tài khoản được khởi tạo và sử dụng trong nội bộ hệ thống Ngân hàng để quản lý và theo dõi thẻ). Sao kê phải được thể hiện bằng tiền Việt Nam Đồng.

10.2. Chủ thẻ cần kiểm tra các lần thực hiện giao dịch thể hiện trên sao kê khi nhận được sao kê. Nếu Chủ thẻ thấy có lỗi hoặc có những giao dịch không được ủy quyền thì cần liên hệ với Ngân hàng qua tổng đài điện thoại 18006003 hoặc Chi nhánh và gửi các yêu cầu kiến nghị trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được sao kê hoặc Chủ thẻ sẽ phải chịu trách nhiệm cho các giao dịch lỗi hoặc bất kỳ giao dịch mà không có sự ủy quyền nào.

10.3. Chủ thẻ phải thanh toán số tiền được đề cập trên sao kê hàng tháng để duy trì việc sử dụng thẻ.

10.4. Với dịch vụ thanh toán trực tiếp, Chủ thẻ phải duy trì đủ số dư trong tài khoản ít nhất là bằng với tổng số tiền phải thanh toán hoặc số tiền thanh toán tối thiểu được Chủ thẻ chỉ dẫn trong yêu cầu ghi nợ trực tiếp trước ngày đến hạn thanh toán.

10.5. Ngân hàng không chịu trách nhiệm cho bất kỳ các trì hoãn nào trong việc thanh toán giữa Chủ thẻ và ĐVCNT.

10.6. Phương thức thanh toán/trả nợ đối với thẻ tín dụng: Ngân hàng áp dụng hình thức thanh toán vào tài khoản thẻ cho các nội dung sau: thu lãi, phí dịch vụ và các phí khác, hóa đơn rút tiền mặt,

hóa đơn mua hàng hóa (bao gồm bất kỳ khoản thanh toán đến hạn nào - nếu có).

10.7. Nếu không rõ ràng trong khoản thanh toán liên quan đến tài khoản của Chủ thẻ, Ngân hàng sẽ chỉ ghi có khi Chủ thẻ cung cấp được chỉ dẫn rõ ràng về việc ghi có vào đâu.

10.8. Tùy vào quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ, trường hợp thẻ tín dụng không phát sinh dư nợ, mọi khoản ghi có (phát sinh từ việc hoàn/hủy các giao dịch đã được ghi nhận hoặc do khách hàng thanh toán nhiều hơn so với dư nợ thẻ trước đó) sẽ được hoàn trả vào tài khoản thanh toán mà Chủ thẻ đã đăng ký với ngân hàng.

10.9. Thứ tự ưu tiên thanh toán: phí phạt quá hạn, lãi suất quá hạn, số tiền quá hạn, phí thu trên sao kê, lãi thu trên sao kê, giao dịch ứng tiền mặt trên sao kê, số tiền trả góp trên sao kê, số tiền chi tiêu trên sao kê, phí, lãi suất, giao dịch ứng tiền mặt, số tiền trả góp, số tiền chi tiêu. Thứ tự này có thể thay đổi theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

ĐIỀU 11: THẺ TÍN DỤNG ĐẢM BẢO

11.1. Nếu Chủ thẻ nộp đơn yêu cầu mở thẻ tín dụng đảm bảo với hạn mức tín dụng cao hơn, Chủ thẻ sẽ phải có một tài khoản tiết kiệm/ tiền gửi có kỳ hạn với khoản tiền gửi tương đương hạn mức thẻ tín dụng để bảo đảm. Hạn mức thẻ tín dụng sẽ tính theo tỷ lệ phần trăm của món tiền gửi đảm bảo đó. Tài khoản tiền gửi này sẽ được khóa/phong tỏa cho đến khi Chủ thẻ hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Điều kiện và điều khoản này. Trường hợp Chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ, Ngân hàng có quyền trích nợ số tiền trong tài khoản tiền gửi này để thu hồi nợ.

11.2. Chủ thẻ có trách nhiệm điền đầy đủ trên các chứng từ mà Ngân hàng cung cấp và cung cấp tất cả các chứng từ khác mà Ngân hàng yêu cầu cho việc đăng ký thẻ tín dụng đảm bảo.

11.3. Nếu Chủ thẻ có yêu cầu đóng thẻ hoặc trong trường hợp Ngân hàng buộc phải chấm dứt thẻ của khách hàng, tài sản đảm bảo cho thẻ tín dụng sẽ được xử lý theo quy định tại Chính sách thẻ và/hoặc sản phẩm tiền gửi đang áp dụng đối với tài sản bảo đảm và/hoặc các văn bản nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

ĐIỀU 12: DỊCH VỤ THẺ

12.1. Kế hoạch trả góp hàng tháng

12.1.1. Chủ thẻ có thể chuyển đổi từ giao dịch thông thường sang giao dịch trả góp theo đặc điểm của từng sản phẩm thẻ và theo quy định của Ngân hàng. Việc đăng ký giao dịch trả góp phải được thực hiện trước 01 ngày làm việc trước ngày lên sao kê thẻ tín dụng.

12.1.2. Kỳ thanh toán trả góp có thể được quyết định bởi Chủ thẻ trong kỳ hạn tối đa được Ngân hàng quy định hoặc lựa chọn tự động theo đặc điểm của sản phẩm thẻ tín dụng mà khách hàng đang sử dụng. Chủ thẻ sẽ thanh toán khoản thanh toán, số tiền phải trả góp và phí hàng tháng trong suốt kỳ hạn trả góp.

12.1.3. Số tiền thanh toán trả góp ban đầu có thể bao gồm số dư còn lại của khoản thanh toán trả góp. Việc thanh toán toàn bộ có thể được chấp nhận để hủy bỏ việc thanh toán trả góp.

12.2. Chương trình tích điểm:

12.2.1. Điểm sẽ được cộng dồn/tích lũy dựa trên việc thanh toán hàng hóa dịch vụ của từng sản phẩm thẻ, tỷ lệ tích điểm được quy định theo từng sản phẩm thẻ. Trường hợp thẻ đã đạt hạn mức tích điểm tối đa nhưng sau đó có giao dịch được tích điểm bị hủy/hoàn, Ngân hàng không thực hiện tích bù điểm cho các giao dịch không được chọn tích điểm hoặc bị loại trừ do tại thời điểm phát sinh giao dịch thẻ đã đạt hạn mức tích điểm tối đa.

12.2.2. Thời hạn của điểm là 05 năm và tự động hết hạn từng tháng theo phương pháp điểm tích lũy trước sẽ hết hạn trước. Nếu Chủ thẻ đóng thẻ hoặc thẻ hết thời hạn hiệu lực, điểm sẽ bị hết hạn. Ngân hàng sẽ không hỗ trợ đổi điểm trong trường hợp thẻ đang trong trạng thái nợ quá hạn.

12.2.3. Chủ thẻ chính có thể yêu cầu Ngân hàng đổi từ điểm sang Tiền được ghi có vào Tài khoản thanh toán chỉ định hoặc đổi sang hàng hóa/dịch vụ từ các đối tác của Ngân hàng (bao gồm nhưng không giới hạn việc đổi điểm sang quà tặng/phiếu quà tặng/phiếu sử dụng dịch vụ…).

01 điểm có giá trị tương đương 01 VND. Trường hợp Chủ thẻ chính muốn đổi từ điểm sang tiền, số điểm tối thiểu được đổi là 500.000 điểm (tỷ lệ quy đổi có thể thay đổi theo từng thời kỳ theo quy định của Ngân hàng).

Chương trình quy đổi từ điểm sang hàng hóa/ dịch vụ chỉ áp dụng với Thẻ cá nhân.

12.2.4. Ngân hàng được quyền thu hồi điểm thưởng và/hoặc ghi nợ tài khoản đã được ghi nhận thành công cho chủ thẻ trên hệ thống của Ngân hàng tại bất cứ thời điểm nào nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Giao dịch thanh toán được tích điểm đó bị hủy/hoàn trả do gian lận/lỗi hệ thống hoặc vì bất cứ lý do nào khác mà không phải do lỗi của Ngân hàng, hoặc;
b) Khi Ngân hàng phát hiện bất kỳ sai sót, nhầm lẫn trong việc cộng điểm tích lũy và/hoặc ghi có vào tài khoản cho chủ thẻ (nếu có) so với quy định của từng sản phẩm thẻ hoặc;
c) Các trường hợp thu hồi điểm được quy định tại Hướng dẫn nghiệp vụ thẻ và/hoặc văn bản/quy định nội bộ khác có liên quan của Ngân hàng từng thời kỳ.
   Quyết định của Ngân hàng về việc thu hồi điểm được coi là quyết định cuối cùng.

ĐIỀU 13: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

13.1. Ngân hàng sẽ được toàn quyền quyết định sửa đổi hoặc bổ sung hoặc thay thế hoặc loại bỏ bất kỳ nội dung nào của bản Điều kiện và điều khoản này, các đặc điểm và lợi ích của việc sử dụng thẻ bao gồm việc sử dụng thẻ, chấm dứt sử dụng thẻ, tài khoản, quyền và nghĩa vụ của hai Bên và các thay đổi khác sau khi đã thông báo tới Chủ thẻ hoặc thông báo trên website của Ngân hàng. Các thay đổi hoặc bổ sung liên quan tới biểu phí dịch vụ thẻ của Ngân hàng sẽ được Ngân hàng

thông báo tới Chủ thẻ hoặc thông báo trên website của Ngân hàng tối thiểu 07 ngày trước khi áp dụng các thay đổi. Chủ thẻ cam kết chủ động cập nhật Bản Điều kiện và điều khoản theo thông báo của Ngân hàng. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Ngân hàng thông báo về việc sửa đổi, bổ sung Điều kiện, điều khoản, nếu Chủ thẻ không đồng ý với các sửa đổi, bổ sung đó, Chủ thẻ phải thông báo cho Ngân hàng để thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ. Nếu Chủ thẻ tiếp tục sử dụng thẻ sau thời hạn 05 ngày kể từ ngày Ngân hàng thông báo về việc sửa đổi, bổ sung thì sẽ được hiểu là Chủ thẻ chấp nhận hoàn toàn các sửa đổi, bổ sung đó. Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm đối với mọi chi phí phát sinh và các nghĩa vụ quy định tại bản Điều kiện và điều khoản này cho đến khi toàn bộ các khoản thanh toán theo thẻ được hoàn trả đầy đủ. Ngân hàng có thể thông báo các Điều khoản sửa đổi phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam tại các điểm giao dịch hoặc trên website của Ngân hàng.

13.2. Toàn bộ điều khoản và điều kiện trong bản Điều kiện và điều khoản này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

13.3. Bản Điều kiện và điều khoản này được lập thành 02 bản tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý ngang nhau. Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa bản Tiếng Việt và Tiếng Anh, bản Tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

13.4. Bản Điều kiện và điều khoản này và (các) đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ liên quan tạo nên Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ với Khách hàng. Những bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ đã được Ngân hàng công bố và áp dụng trước thời điểm có hiệu lực của Bản Điều kiện và điều khoản này sẽ được thay thế và áp dụng bởi bản Điều kiện và điều khoản này.

13.5. Những nội dung không được đề cập đến trong bản Điều kiện và điều khoản này sẽ được bổ sung trong bản Hướng dẫn sản phẩm thẻ (dành cho khách hàng cá nhân), Hướng dẫn sản phẩm thẻ (dành cho tổ chức) và/hoặc các quy định nội bộ khác của Ngân hàng hoặc theo pháp luật Việt Nam.

13.6. Bất cứ điều, khoản nào tại bản Điều khoản và điều kiện này bị tuyên bố vô hiệu theo phán quyết của cơ quan có thẩm quyền thì các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực với các Bên. Các Bên sẽ bàn bạc, thỏa thuận để sửa đổi, bổ sung lại điều khoản đó trong phạm vi tối đa để đáp ứng mục đích sử dụng thẻ cho phù hợp với quy định của pháp luật.